

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/LĐ-PT
Ngày: 22 - 04 - 2020
V/v tranh chấp lao động về
đơn phương chấm dứt hợp
đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Cường.
Ông Bùi Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Đạo Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 22 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 02/2020/TLPT-LĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 05/2019/LĐST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị nguyên đơn và bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2020/QĐ-PT ngày 02/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 04/2020/QĐ-PT ngày 17/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông C.W.C, sinh năm 1977; tạm trú: Thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông C.W.C là ông N.Đ.V, sinh năm 1989; trú tại: Thành phố M, tỉnh Bình Dương (theo giấy ủy quyền ngày 28/12/2018), có mặt.

2. Bị đơn: Công ty C; địa chỉ: Thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của công ty là bà L.T.L, sinh năm 1976; trú tại: Thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương (theo giấy ủy quyền ngày 31/10/2019), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông M.T.L, là Luật sư – Công ty B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông C.W.C và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là ông N.Đ.V thống nhất trình bày:

Ngày 19/8/2018 ông C.W.C bắt đầu làm việc tại Công ty C, công việc phải làm là quản lý tất cả các công việc liên quan đến xây dựng (chuyên gia xây dựng), theo hình thức lao động thử việc. Theo hợp đồng nguyên tắc áp dụng chung cho các chuyên gia người nước ngoài do Công ty C quy định thì thời gian thử việc là 03 tháng từ ngày 19/8/2018 đến ngày 19/11/2018. Mức lương thỏa thuận là 2.600USD, Công ty trả lương bằng hình thức chuyển khoản từ Ngân hàng bên Đài Loan chuyển vào tài khoản của ông C.W.C. Tuy nhiên quá trình làm việc ông C.W.C nhận thấy công ty giao công việc không đúng thỏa thuận nên ngày 20/10/2018 ông C.W.C có đơn xin nghỉ việc vào ngày 19/11/2018. Nhưng đến ngày 07/11/2018 Công ty C đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là vi phạm. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty bồi thường như sau:

- Tiền lương 06 ngày Công ty còn nợ ông C.W.C với mức lương 2.600USD (tương đương 60.411.000 đồng/tháng) là 12.000.000 đồng.

- Tiền bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 02 tháng tiền lương: 02 tháng x 60.411.000 đồng/tháng = 120.822.000 đồng.

- Tiền những ngày ông C.W.C không được làm việc tạm tính từ 07/11/2018 đến ngày 19/11/2018 là 24.960.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện về tiền vé máy bay Công ty còn nợ ông C.W.C là 7.165.000 đồng, tiền lãi suất tạm tính là 9.898.110 đồng thì quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn phải bồi thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn xác định mức lương làm căn cứ bồi thường là 2.600 USD, quy ra thành tiền đồng Việt Nam là 2.600 USD/tháng x 23.000 đồng/USD = 59.800.000 đồng/tháng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty C và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn thống nhất trình bày:

Thông nhất về thời gian làm việc của ông C.W.C tại Công ty C, công việc phải làm là chuyên gia xây dựng, theo hình thức thử việc, lương do trả bằng hình thức chuyển khoản, mức lương 800USD/tháng. Quá trình làm việc, ngày 29/10/2018 ông C.W.C nộp đơn xin nghỉ việc vào ngày 19/11/2018, nhưng sau

đó đến ngày 07/11/2018 ông C.W.C có nguyện vọng xin nghỉ trước để về nước nên giữa ông Tổng giám đốc Công ty và ông C.W.C có thỏa thuận miệng thống nhất cho ông C.W.C được nghỉ trước thời hạn là ngày 07/11/2018. Cùng ngày 07/11/2018 Công ty C ban hành quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông C.W.C. Nhưng do ông C.W.C không còn làm việc ở công ty nên công ty không thể giao quyết định nghỉ việc cho ông C.W.C.

Do đó, bị đơn không đồng ý yêu cầu bồi thường của ông C.W.C vì ông C.W.C tự nguyện xin nghỉ việc trước thời gian xin thôi việc nên Công ty không có lỗi.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 05/2019/LĐST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C.W.C.

Buộc Công ty C có trách nhiệm bồi thường cho ông C.W.C tổng số tiền là 50.246.154 đồng (Năm mươi triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm năm mươi bốn đồng). Cụ thể:

- Buộc Công ty C trả cho ông C.W.C tiền lương 06 ngày làm việc là 06 ngày x 18.400.000 đồng/tháng = 4.246.154 đồng.

- Buộc Công ty C bồi thường cho ông C.W.C 02 tháng tiền lương do vi phạm: 02 tháng x 18.400.000 đồng/tháng = 36.800.000 đồng.

- Buộc Công ty C bồi thường cho ông C.W.C tiền những ngày ông C.W.C không được làm việc tạm tính từ 07/11/2018 đến ngày 19/11/2018 là 13 ngày = 9.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Che Wei Chung về việc rút yêu cầu khởi kiện buộc Công ty C trả tiền vé máy bay là 7.165.000 đồng và tiền lãi suất tạm tính là 9.898.110 đồng.

3. Về án phí: Công ty C phải chịu 1.507.385 đồng (Một triệu năm trăm lẻ bảy nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định cho các đương sự.

Ngày 30/10/2019, Công ty C có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Che Wei Chung.

Ngày 31/10/2019, Nguyên đơn ông C.W.C kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm, giải quyết bồi thường theo mức lương thực tế đã nhận 2.600 USD/tháng, không đồng ý mức lương 800 USD/tháng như Tòa án

cấp sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Về tố tụng: Tư cách khởi kiện của nguyên đơn không rõ ràng, chữ ký của nguyên đơn không có xác nhận của văn phòng công chứng hoặc phòng tư pháp. Người phiên dịch là bà N.T.O không có lời khai và Tòa án sơ thẩm không đưa bà N.T.O tham gia tố tụng. Về nội dung: Hợp đồng lao động thử việc bằng tiếng Trung không có mời người phiên dịch làm việc, nguyên đơn tự ý chấm dứt hợp đồng lao động thử việc ở Công ty từ ngày 07/11/2018 đệ đơn trước đó từ ngày 20/10/2018 với lý do là không thích làm việc với người Trung Quốc. Trong thời gian thử việc Công ty có quyền chấm dứt Hợp đồng lao động thử việc theo điều 29 Bộ luật Lao động, chữ ký trong hợp đồng lao động thử việc và chữ ký trong đơn khởi kiện là khác nhau. Do vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Về thực tế ông C.W.C và Công ty C đã phát sinh quan hệ lao động. Công ty đã có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông C.W.C. Bản án sơ thẩm buộc Công ty C phải bồi thường cho ông C.W.C là có căn cứ. Nguyên đơn và bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh tụng của đương sự, luật sư và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nộp trong hạn luật định là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

[2.1] Hợp đồng lao động thử việc giữa ông C.W.C với Công ty C ký kết ở Việt nam nhưng bằng tiếng Trung, không có bản hợp đồng nào bằng tiếng Việt Nam. Hợp đồng không có ghi ngày, tháng, năm; không có thỏa thuận về mức tiền lương, Bảo hiểm lao động, y tế ... thì thỏa thuận bằng tiền Đài tệ (tiền tệ Đài loan). Trong hợp đồng cũng không có bất cứ giấy tờ, bằng cấp, giấy xác nhận nào của cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam. Bị đơn là Công ty C xác nhận có giao kết hợp đồng lao động nguyên tắc bằng tiếng Trung, sử dụng cho tất cả người lao động nước ngoài thời hạn 03 tháng (từ ngày 19/8/2018 đến ngày 19/11/2018) với Ông C.W.C. Do vậy, hợp đồng lao động thử việc ký kết giữa ông C.W.C với Công ty C vi phạm về hình thức lẫn nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều

26, Điều 27 Bộ luật Lao động. Do đó, hợp đồng lao động thử việc ký kết giữa ông C.W.C với Công ty C là hợp đồng vô hiệu.

Ngày 20/10/2018, trong thời gian thỏa thuận thử việc, ông C.W.C tự nguyện nộp đơn xin nghỉ việc với lý do là không muốn làm chung với người Trung Quốc và thời gian xin nghỉ từ ngày 19/11/2018. Ngày 07/11/2018, Công ty C quyết định cho ông C.W.C nghỉ việc theo nguyện vọng. Do ông C.W.C tự nguyện viết đơn xin nghỉ việc trong thời gian thử việc nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty C bồi thường theo đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động là chưa phù hợp.

[2.2] Ông C.W.C là người Đài Loan (Trung Quốc) nhập cảnh Việt Nam để lao động có thời hạn từ ngày 16/8/2018 đến ngày 16/11/2018 do Công ty C bảo lãnh (Công văn cung cấp thông tin số 2953/QLXNC- P4 ngày 09/10/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an) nhưng không có giấy phép lao động tại Việt Nam là vi phạm pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông C.W.C là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo khoản 5, Điều 172 Bộ luật Lao động và điểm e khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 11/2016/NĐ- CP ngày 03/2/2016 của Chính phủ là không phù hợp. Bởi lẽ, điểm e khoản 2 Điều 7 Nghị định số 11/2016/NĐ- CP ngày 03/2/2016 thì người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động phải là chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày còn khoản 1 Điều 8 Nghị định số 11/2016/NĐ- CP thì xác định người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là phải có xác nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Thực tế, quan hệ lao động giữa ông C.W.C với Công ty C là hợp đồng lao động thử việc. Quá trình thử việc đến khi kết thúc công việc, đại diện Công ty thừa nhận còn nợ ông C.W.C 06 ngày tiền lương. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty cho rằng đã trả tiền mặt cho ông Chen nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ một phần.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

Như nhận định ở phần trên về hợp đồng lao động thử việc và việc vi phạm pháp luật lao động Việt Nam của ông C.W.C và Công ty C. Đại diện nguyên đơn kháng cáo về tiền lương thực tế của ông C.W.C là 2.600 USD/tháng nhưng cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh ngoài căn cứ mà bị đơn cung cấp là bảng lương của ông Chen là 800USD/tháng nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Xét trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn thấy rằng: Nguyên đơn ông C.W.C ủy quyền cho người đại diện hợp pháp là ông N.Đ.V, có người phiên dịch là N.T.O bằng văn bản được Văn phòng công chứng thành phố mới thuộc thành phố M, tỉnh Bình Dương xác nhận ngày 28/12/2018. Ngày 03/5/2019, nguyên đơn làm đơn khởi kiện viết rõ họ và tên và xác nhận của phiên dịch N.T.O cùng văn bản giải trình của C.W.C ngày 15/5/2019. Đơn khởi kiện và văn bản giải trình có chữ viết, ghi họ và tên của nguyên đơn và người phiên dịch đều như nhau và lập sau khi được công chứng chứng thực.

Như vậy, Luật sư cho rằng phải đưa người phiên dịch N.T.O tham gia tố tụng là không cần thiết và yêu cầu hủy án sơ thẩm của luật sư là không có căn cứ.

[5] Về ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thấy rằng: Do hợp đồng lao động thử việc ký kết giữa ông C.W.C với Công ty C như nhận định trên là vô hiệu nên đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[5] Về án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 26, Điều 27, Điều 29, khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 2 Điều 52 Bộ luật Lao động; Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty C; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông C.W.C, sửa án sơ thẩm số 05/2019/LĐST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C.W.C đòi Công ty C trả tiền nợ lương của 06 ngày làm việc.

Buộc Công ty C trả cho ông C.W.C tiền lương 06 ngày làm việc là $(06 \text{ ngày} \times 18.400.000 \text{ đồng/tháng} / 26 \text{ ngày}) = 4.246.154 \text{ đồng}$.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.W.C về việc đòi Công ty C bồi thường cho ông C.W.C 02 tháng tiền lương do vi phạm: $02 \text{ tháng} \times 18.400.000 \text{ đồng/tháng} = 36.800.000 \text{ đồng}$ và bồi thường cho ông C.W.C tiền lương những ngày không được làm việc từ 07/11/2018 đến ngày 19/11/2018 là $13 \text{ ngày} = 9.200.000 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

1.3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông C.W.C về việc rút yêu cầu khởi kiện buộc Công ty C trả tiền vé máy bay là 7.165.000 đồng và tiền lãi suất tạm tính là 9.898.110 đồng.

1.4. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

2. Án phí lao động phúc thẩm: Ông C.W.C không phải chịu. Công ty C không phải chịu, hoàn trả cho Công ty C 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 36352 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TX T;
- Chi cục THADS TX T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa LĐ, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Minh Tấn